

Tư duy và biên độ cải tổ chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam sau 30 năm đổi mới (1986-2016), một vài quan sát

Ngô Quốc Phương¹

Tóm tắt:

Bài viết là một nỗ lực nhỏ quan sát một vài chiều hướng, tính chất của công cuộc đổi mới ở Việt Nam diễn ra dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản kể từ Đại hội lần thứ VI (1986). Qua khảo sát sơ bộ và bước đầu một số quan điểm trong giới lý luận và tư tưởng của Đảng, bộ phận² thường có vai trò nghiên cứu, tư vấn và kiến trúc đường lối, chính sách cho ban lãnh đạo của Đảng, bài viết thử đưa ra một vài tìm hiểu (findings) ban đầu về một số đặc điểm trong tư duy và biên độ cải tổ chính trị của Đảng.

¹ Nguyên giảng viên Đại học Quốc gia Hà Nội, Việt Nam.

² Hệ thống các cơ quan, tổ chức nghiên cứu, lý luận, tuyên truyền, cũng như tư vấn, hoạch định, phân biện chính sách, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam, theo một số chuyên gia và nhà quan sát, khá phát triển, trong đó có nhiều chuyên gia, nhóm nghiên cứu, lý luận làm việc, cộng tác, cộng sự ở các cơ quan và mạng lưới chẳng hạn như Hội đồng Lý luận Trung ương, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, tùy theo các lĩnh vực tổng thể, hay bộ phận, mà các cá nhân, nhóm, tập thể nghiên cứu còn có thể hiện diện ở các hệ thống khác như các ban của Đảng, các hội đồng nghiên cứu chính sách trên một số lĩnh vực cụ thể về nhiều mặt từ tổ chức, nhân sự, chiến lược đối ngoại, chiến lược, chính sách an ninh, quốc phòng, kinh tế v.v... Nhiều trường, viện (kể cả trong lực lượng vũ trang như quân đội, công an...), một số 'think tanks' cũng đã đang hoạt động tương đối hiệu quả ở Việt Nam, cung cấp các nghiên cứu, điều tra về cả lý luận, thực tiễn, phục vụ hoạch định chính sách cho Đảng, nhà nước, trong đó có cả Chính phủ, Quốc hội v.v... Bài viết tự giới hạn ở khảo cứu một số bài viết, góc nhìn lý luận, tư tưởng của nhóm elite lý luận của Đảng qua một số bài báo trên Tạp chí Cộng sản, Tạp chí Xây dựng Đảng, Tạp chí Lý luận Chính trị, vốn là vài trong số các cơ quan truyền thông, lý luận, tuyên huấn có vai trò khá quan trọng trong các lĩnh vực liên quan.

Giai đoạn 30 năm đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam (ĐCSVN) tuyên bố khởi xướng từ năm (1986-2016) tới nay đã và đang được tổng kết.

Các nhà nghiên cứu lý luận của Đảng cho rằng xét trên nhiều bình diện, chẳng hạn như kinh tế, chính trị, xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại, tư tưởng, nhìn chung cuộc cải cách đã thu được những thành tựu quan trọng, đất nước cơ bản vượt qua khủng hoảng, chuyển đổi từ một quốc gia có thu nhập thấp, sang một quốc gia có thu nhập trung bình thấp theo tiêu chuẩn quốc tế, riêng về thu nhập bình quân đầu người³ sau 30 năm đổi mới ‘có bước nhảy vọt về chất’ và nhìn chung đã ngày càng hội nhập sâu và mạnh hơn vào môi trường quốc tế và khu vực.

Trong nhiều thành tích quan trọng đã đạt được, vẫn theo giới lý luận của Đảng, ba mươi năm đổi mới đã chứng kiến Đảng quản lý thành công và hiệu quả bằng việc triển khai các thiết chế quan trọng như kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, dân chủ xã hội chủ nghĩa v.v... như những bộ phận cấu thành của cải tổ, cải cách và đồng thời là các giải pháp.

Về mặt chính trị, các nhà lý luận của Đảng khẳng định, khác với nhiều trường hợp cải cách, cải tổ khác, nhất là trong khối các nước theo mô hình xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô trước đây, Việt Nam là một trong các mô hình chuyển đổi thành công, khi nhà nước và Đảng cầm quyền vẫn giữ vững được quyền lực của mình, trong lúc tiến hành thành công các cải cách khá toàn diện trên các lĩnh vực cụ thể như kinh tế, xã hội, luật pháp, văn hóa, giáo dục, y tế, đặc biệt giữ ổn định vững vàng trên các phương diện an ninh, quốc phòng, chủ quyền quốc gia và mở rộng tốt hợp tác quốc tế, đối ngoại, hòa nhập kinh tế quốc tế, khu vực v.v...

Nguyên tắc số một

Một trong những nguyên tắc quan trọng được ĐCSVN quán triệt hầu như trong mọi đại hội từ năm 1986 trở lại đây, thể hiện qua hệ thống các văn kiện đại hội, các nghị quyết đại hội và các hội nghị trung ương và được quán triệt, luật hóa và triển khai trong đời sống chính trị, xã hội của đất nước, liên quan tới đổi mới, cải cách, đó là phải luôn luôn giữ vững sự lãnh đạo của Đảng trong mọi trường hợp.

Nguyên tắc này yêu cầu mọi cải cách, dù định tiến hành ‘sáng tạo, chủ động’ tới đâu, luôn phải được thực hiện trong một biên độ an toàn để chắc chắn không làm xảy ra việc Đảng đánh mất vai trò lãnh đạo độc tôn, tối cao và toàn diện đối với nhà nước, chính quyền và toàn thể xã hội.

³ Lê Quốc Lý, Phó Giám đốc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, “Đổi mới tư duy về kinh tế - nhìn lại 70 năm”, Tạp chí Lý luận Chính trị, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, số 9-2015.

Thể hiện nguyên tắc này, các văn kiện, tài liệu về đường lối của Đảng luôn đặt yêu cầu tiên quyết ‘kiên định mục tiêu chủ nghĩa xã hội’, và nguyên tắc này đã được khẳng định như bài học quan trọng khi Đảng nhìn lại 30 năm đổi mới.

Quan điểm của Đảng nêu rõ: “trong quá trình đổi mới phải chủ động, không ngừng sáng tạo trên cơ sở kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.”⁴

Đảng cho rằng ‘thực hiện công cuộc đổi mới có nghĩa là thay đổi phương thức, chiến lược đi lên xã hội chủ nghĩa, nhưng không xa rời mục tiêu xã hội chủ nghĩa, mà thực hiện mục tiêu ấy bằng phương thức, chiến lược mới’⁵ và khẳng định ‘tiếp tục thực hiện mục tiêu xã hội chủ nghĩa thì tất yếu phải giữ vững vai trò lãnh đạo của ĐCS, không chấp nhận đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập, vì đây là nhân tố tiên quyết để thực hiện mục tiêu xã hội chủ nghĩa’.⁶

Như vậy ở đây, có thể thấy rằng, mục tiêu kiên định con đường đi lên xã hội chủ nghĩa không chỉ là giới hạn an toàn để các cải tổ, đổi mới căn cứ, như một biên độ của cải cách, mà chính mục tiêu của cải cách ở đây là đạt cho được chủ nghĩa xã hội, như một cứu cánh (mục đích cuối cùng).

Các nhà lý luận của Đảng đo đó khẳng định rõ hơn bao giờ hết tính chất, bản chất của cải tổ, khi gắn kết đổi mới với mục tiêu này và nêu rõ ‘đổi mới sáng tạo vì chủ nghĩa xã hội’.⁷

‘Đổi mới nhằm trở lại’

Lý luận của Đảng, cụ thể hơn, nhấn mạnh nguyên tắc ràng buộc đổi mới với đổi mới và cải tổ nói chung và cải cách chính trị nói riêng khi nêu rõ kiên định mục tiêu xã hội chủ nghĩa là thế nào và đổi mới sáng tạo phải có xuất phát điểm ra sao. Một bài viết, chẳng hạn của Nhị Lê⁸, nêu quan điểm: “Trước hết kiên định chính là giữ vững, kế thừa và bảo vệ các nguyên tắc lý luận và phương pháp của chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, những nguyên tắc đã trở thành chân lý phổ biến có giá trị bền vững” và “Đổi mới sáng tạo phải xuất phát trên sự kiên định

⁴ Nguyễn Việt Thông, Tổng thư ký Hội đồng lý luận trung ương (vào thời điểm công bố bài viết), “Một số bài học qua 30 năm Đảng lãnh đạo đổi mới đất nước”, Tạp chí Xây dựng Đảng, 05/01/2016.

⁵ Lưu Văn Sùng, nguyên Viện trưởng Viện Chính trị học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, “Quan điểm, đường lối, chiến lược của ĐCSVN khi bước vào công cuộc đổi mới và hiện nay”, Tạp chí Cộng sản, 25/11/2014.

⁶ Lưu Văn Sùng, tài liệu đã dẫn.

⁷ Nhị Lê, Phó Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản, “Đặc điểm lý thuyết đổi mới và những bài học lớn từ thực tiễn gần 30 năm đổi mới xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam”, Tạp chí Cộng sản, 20/01/2015.

⁸ Nhị Lê, tài liệu đã dẫn.

ấy. Tức là đổi mới phải nhằm trở lại nhận thức một cách đúng đắn những nguyên lý của lý luận mác-xít, nhưng không giáo điều và càng không phải là xét lại, mà vận dụng nó một cách linh hoạt phù hợp với bối cảnh cụ thể của đất nước. Đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu, xa rời các quy luật xây dựng xã hội chủ nghĩa được tổng kết từ chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, mà xuất phát từ những quan niệm mác-xít để hành động một cách đúng đắn theo mục tiêu ấy, phù hợp với điều kiện cụ thể của đất nước, gắn liền độc lập dân tộc với xã hội chủ nghĩa.”

Như vậy, một điểm nữa có thể thấy trong tư duy đổi mới qua lý luận của Đảng ở đây là đổi mới nhưng là phải ‘nhằm trở lại’ những nguyên lý ‘khoa học’ của chủ nghĩa xã hội và các lý luận mác xít. Ngoài ra, công cuộc cải cách khi kiên định với con đường đi lên xã hội chủ nghĩa của đất nước do Đảng lãnh đạo cũng được giao nhiệm vụ rõ ràng là ‘giữ vững, kế thừa và bảo vệ’ các nguyên tắc của chủ nghĩa Mác – Lênin.

Con ngựa tư bản chủ nghĩa

Trong cải cách kinh tế, lĩnh vực mà ĐCSVN luôn tự hào là đã mở đầu thành công cho công cuộc đổi mới to lớn và toàn diện qua ba mươi năm, thì các nhà lý luận và tư tưởng của Đảng cũng tiếp tục khẳng định nguyên tắc và biên độ cải tổ này. Một ý kiến, (chẳng hạn, Lê Xuân Tùng, 2015)⁹ khi tranh luận về vai trò, vị thế của khu vực kinh tế tư nhân (khu vực từng là đối tượng của công cuộc cải tạo công thương của Đảng trước đổi mới) ở trong nền kinh tế quốc dân, trong bối cảnh Việt Nam đã tuyên bố phát triển kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa như hiện nay, vẫn nhấn mạnh thành tựu của chủ nghĩa tư bản dù tiên bộ thế nào cũng phải chỉ được sử dụng để phục vụ xã hội chủ nghĩa.

“Chúng ta đã không chú ý đến lời giáo huấn của C. Mác và V.I. Lênin rằng, trong thời kỳ quá độ lên xã hội chủ nghĩa, nền kinh tế không thuần nhất, vừa có thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa vừa có thành phần kinh tế tư bản chủ nghĩa (tư bản chủ nghĩa), thậm chí có cả thành phần kinh tế tiền tư bản chủ nghĩa. Và câu nói nổi tiếng của Ph. Ăngghen: Bắt con ngựa tư bản chủ nghĩa cày trên mảnh đất của xã hội chủ nghĩa. Có nghĩa là sử dụng chủ nghĩa tư bản phục vụ xã hội chủ nghĩa.”

Điều này, dường như gợi ý và có ý nghĩa rằng chủ nghĩa tư bản và các phương thức, tiên bộ kinh tế, xã hội, như thể chế kinh tế thị trường là đặc thù của nó, dù thể nào chăng nữa, cũng chỉ là công cụ, phương tiện phục vụ, chứ không là mục tiêu đi tới của Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng.

⁹ Lê Xuân Tùng, nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy Hà Nội, “Phải chăng kinh tế tư nhân là nền tảng của nền kinh tế quốc dân?”, Tạp chí Cộng sản, 26/6/2015.

Quan điểm ‘bắt con ngựa tư bản chủ nghĩa cày trên mảnh đất xã hội chủ nghĩa’ này dường như dẫn tới liên tưởng là: (i) Đảng chỉ sử dụng thành tựu tiến bộ của chủ nghĩa tư bản một phần và ở chỗ nào có lợi (ví dụ giúp đạt được các mục tiêu về tăng trưởng, năng suất, phát triển trong kinh tế...), nhưng không sử dụng các thành tố khác của chủ nghĩa tư bản mà trong đó có các cột trụ đi kèm, có liên quan tới kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa hiện đại như nhà nước pháp quyền, dân chủ đa đảng, xã hội dân sự v.v... khi thấy chúng có thể bất lợi; và

(ii) Nếu có một giai cấp thống trị mà lâu nay Đảng Cộng sản lập nên, thì các lợi ích trong xã hội thông qua cải cách, ứng dụng văn minh nhân loại, trong đó có mặt tích cực, tiên bộ của thiết chế kinh tế thị trường, khi thu được, sẽ tiếp tục được sử dụng để củng cố cho giai cấp thống trị ấy và nền thống trị của nó là nhà nước chuyên chế nhất nguyên độc đảng. Giai cấp này qua thể chế quyền lực được tạo dựng ấy, sẽ là người nắm lấy các quyền lợi, lợi ích của cải tổ, trong đó có cải tổ kinh tế, cùng các quyền phân phối các quyền lợi, lợi ích ấy, bên trên và trước tiên so với các giai cấp, tầng lớp khác còn lại trong xã hội. Và nếu cải tổ theo đường lối tận dụng kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa này thành công, sự thịnh vượng thu được (chẳng hạn sự giàu có, tài sản, các nguồn lực...) sẽ được giai cấp này thụ hưởng và làm cho họ trở thành giai cấp giàu có, thịnh vượng, có địa vị, quyền lực chính trị và kinh tài vượt trội, đứng trên các giai cấp, tầng lớp còn lại. Và phải chăng nếu được gọi tên, thì đây chính là thể chế tư bản ‘xã hội chủ nghĩa chuyên chế’ (hay có thể gọi là các tư bản đỏ), với giai cấp tư bản là các nhà tư sản ‘xã hội chủ nghĩa theo học thuyết Mác-xít’ cai trị Việt Nam?

Giải pháp nửa vời

Hiện chưa rõ những người theo quan điểm như của tác giả Lê Xuân Tùng chiếm tỷ lệ thế nào trong các quyết định, nội dung chủ trương, chính sách chiến lược, vĩ mô của ĐCS.

Tuy nhiên, giới lý luận của Đảng, khi tổng kết lĩnh vực đổi mới kinh tế qua 70 năm, đã chỉ ra rằng ‘Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã hình thành và đang được hoàn thiện;’ và đặc biệt cho thấy đã có một bước chuyển được cho là dứt khoát trong tư duy cải tổ về kinh tế trong Đảng, chẳng hạn, Lê Quốc Lý¹⁰ cho thấy ‘‘Từ những bước đầu chập chững đổi mới tư duy về kinh tế với nhiều giải pháp nửa vời (nửa muốn thị trường, nửa muốn kế hoạch hóa, tập trung quan liêu bao cấp), Việt Nam đã ngày một đổi mới dứt khoát hơn sang nền kinh tế thị trường (từ bỏ hoàn toàn cơ chế kế hoạch hóa, tập trung quan liêu bao cấp). Quan điểm này trích dẫn văn kiện của Đảng¹¹ nêu rõ ‘‘Đại hội XI

¹⁰ Tài liệu đã dẫn.

¹¹ ĐCSVN: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội 2011, tr. 70 (dẫn theo Lê Quốc Lý).

của Đảng đã có nhiều đổi mới mạnh mẽ về tư duy kinh tế và đã khẳng định rõ ràng hơn con đường phát triển kinh tế của Việt Nam là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Cụ thể là “Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội... có nền kinh tế phát triển cao, dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiên bộ phù hợp...”

Và tác giả Lê Quốc Lý chỉ ra rõ hơn tư duy đổi mới trong kinh tế của Đảng đã phát triển cao và không gò bó, đóng cứng: “Tư duy kinh tế mới ở đây được phát triển cao, phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với việc không bị gò bó, cứng nhắc vào một loại hình sở hữu về tư liệu sản xuất mà quan tâm vào bản chất bên trong của nó, chính là quan hệ sản xuất tiên bộ, phù hợp.”

Ở đây, dường như có sự khác biệt nhất định giữa quan điểm của hai tác giả Lê Quốc Lý và Lê Xuân Tùng, khi Lê Quốc Lý cho rằng tư duy đổi mới kinh tế của Đảng không ‘cứng nhắc’ và ‘gò bó’ vào một loại hình quan hệ sản xuất nhất định nào đó (có thể hiểu, chẳng hạn, là kinh tế quốc doanh, doanh nghiệp nhà nước?) mà tới nay vẫn được Đảng coi là ‘chủ đạo, then chốt’, mà quan tâm tới thực lực hơn của mô hình kinh tế thị trường, mà thực lực ở đây có thể hiểu là vai trò chính, đầu tàu của kinh tế (tư bản) tư nhân, của doanh nghiệp tư nhân? Và có thể suy luận thêm rằng, liệu đây chính là quan hệ sản xuất, chủ thể kinh tế, mà Đảng nhận thấy là có tính chất ‘tiên bộ’, ‘phù hợp’. Trong khi đó, quan điểm của Lê Xuân Tùng cho rằng có thể đây chỉ là sự mượn một quan hệ sản xuất tiên bộ nhất thời (của chủ nghĩa tư bản) để xây dựng xã hội chủ nghĩa, tiến lên CNCS, mà sau khi đạt rồi, thì có thể sẽ loại bỏ đi?

Tuy nhiên, chưa rõ tác giả Lê Xuân Tùng sẽ ‘loại bỏ’ thế nào, nếu trên con đường đi lên xã hội chủ nghĩa và CNCS mà ông tin tưởng, các lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất tiên bộ, nhưng chỉ là giải pháp tình thế đó, lại mang màu sắc của chính giai cấp tư sản ‘xã hội chủ nghĩa’? Làm thế nào đường lối của ông có thể loại bỏ chính ‘các đồng chí đang cầm lái’ của mình tới xã hội chủ nghĩa khi họ vừa là chủ thể của hiện tại lại cũng vừa là chủ nhân lãnh đạo chế độ của tương lai?

Có ai nguy hiểm hay mâu thuẫn ở đây hay không? Hay thực ra, hai đường lối, quan điểm tựu chung vẫn là một và cuối cùng hội tụ về phía tư tưởng Lê Xuân Tùng?

Có lẽ giới nghiên cứu quan tâm Việt Nam học và chính trị Việt Nam có thể cũng tham khảo thêm ít nhiều quan điểm của nhóm kiên trì chủ thuyết xã hội chủ nghĩa, trong đổi mới ở Việt Nam qua 30 năm đổi mới

và hiện nay, qua một vài luận điểm của một số thành viên khác, mà đơn cử có thể là quan điểm của nhà lý luận Nguyễn Đức Bình.¹²

Theo đó, khi nhận xét chung về đường lối, chủ thuyết phát triển và cách mạng của Việt Nam hiện nay và tương lai (kinh tế thị trường của tư bản chủ nghĩa chỉ là một công cụ được ĐCS tận dụng có chọn lọc như phương tiện, công cụ), nhà lý luận này nêu rõ: “Ở nước ta không có đất cho chủ nghĩa tư bản thống trị như một chế độ xã hội, không có đất cho một chủ thuyết chính trị nào khác khả dĩ được nhân dân chấp nhận;” và ông khẳng định “Chuyển đổi sang con đường tư bản chủ nghĩa chăng? Đã có ‘kiến nghị’ như thế. Tuy nhiên, nhân dân không thể đồng tình.”¹³

Thận trọng, từng bước

Vì nguyên tắc dẫn dắt trên, cách thức tiến hành công cuộc đổi mới đất nước của ĐCSVN cũng được thi triển một cách thận trọng. Đảng rút kinh nghiệm từ các mô hình cải tổ được cho là ‘chệch hướng’ và ‘thất bại’ như ở các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô trước đây, trong cuối thế kỷ XX, khiến các Đảng cầm quyền (với các tên gọi có khác nhau, nhưng đều ít nhiều là các Đảng chính trị chuyên chính, độc tôn, cầm quyền theo mô hình xã hội chủ nghĩa kiểu Liên Xô) bị mất vị thế lãnh đạo, mất chính quyền nhân dân và thể chế xã hội chủ nghĩa ở đó bị tan rã, sụp đổ, và Đảng tiến hành đổi mới, cải cách theo các bước đi, hình thức và trình tự có tính toán, cân nhắc theo nguyên tắc ‘ổn định để phát triển, phát triển phải ổn định’.

Và do đó, như Đảng tổng kết, công cuộc đổi mới khởi sự từ Đại hội 6 của ĐCSVN, đã lựa chọn đổi mới kinh tế trước bên cạnh một số đổi mới về xã hội theo sau mà không vội vàng tiến hành cải tổ chính trị. Tuy nhiên, Đảng vẫn gọi đây là quá trình ‘đổi mới sâu sắc và toàn diện, thành công’ và được dẫn dắt bởi trước hết sự đổi mới tư duy nhanh nhạy, sáng suốt và kịp thời của Đảng.

Gần 30 năm qua, nhìn lại cuộc đổi mới này, với góc nhìn tương đối tổng thể, Lưu Văn Sùng¹⁴, một nhà lý luận của Đảng, tổng kết: “Trước hết, thực hiện công cuộc đổi mới có nghĩa là thay đổi phương thức, chiến lược đi lên xã hội chủ nghĩa, nhưng không xa rời mục tiêu xã hội chủ nghĩa, mà thực hiện mục tiêu ấy bằng phương thức, chiến lược mới.” Tại đây, tác giả khẳng định qua thực tế ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu từ trước, “thực hiện cải tổ mà từ bỏ mục tiêu xã hội chủ nghĩa thì sẽ dẫn đến mất phương hướng và hỗn loạn”.

¹² Chẳng hạn, Nguyễn Đức Bình, nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương, nguyên Giám đốc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, “Chủ thuyết cách mạng và phát triển của Việt Nam”, Tạp chí Cộng sản, số 812 (6-2010) và 15/7/2010.

¹³ Nguyễn Đức Bình, tài liệu đã dẫn.

¹⁴ Lưu Văn Sùng, tài liệu đã dẫn.

Thứ hai, vẫn theo Lưu Văn Sùng, “tiếp tục mục tiêu xã hội chủ nghĩa thì tất yếu phải giữ vững vai trò lãnh đạo của ĐCS, không chấp nhận đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập.” Tác giả giải thích và nhấn mạnh: “Vì đây là nhân tố tiên quyết để thực hiện mục tiêu xã hội chủ nghĩa”.

Về phương pháp, cách thức thực hiện đổi mới đảm bảo ổn định và theo lộ trình, vẫn theo Lưu Văn Sùng thì: “Công cuộc đổi mới cần có những bước đi thích hợp để đảm bảo vừa đổi mới, vừa ổn định.” Tác giả nêu rõ đổi mới lấy xuất phát điểm thế nào: “Đổi mới phải bắt đầu từ lĩnh vực kinh tế, sau đó đến đổi mới về chính trị,” với trọng tâm ra sao: “Ngay trong đổi mới kinh tế cũng đi từ đổi mới lĩnh vực nông nghiệp rồi đến các lĩnh vực khác”; và sau khi đổi mới theo xuất phát điểm ấy – đổi mới kinh tế, thì bước tiếp theo là gì. Vẫn theo Lưu Văn Sùng: “Trong đổi mới chính trị, việc xác định xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa đã tác động đến đổi mới toàn bộ hệ thống chính trị.”

Và tác giả khẳng định: “Sự đúng đắn của quan điểm, đường lối chiến lược của ĐCSVN đã quyết định sự thành công của công cuộc đổi mới nước ta gần 30 năm qua.”¹⁵

Như vậy, chỉ nhìn riêng vào bài viết mang tính tổng kết của tác giả Lưu Văn Sùng, có thể thấy Đảng Cộng sản Việt Nam đã có những rút kinh nghiệm từ các cuộc cải tổ, đổi mới dẫn tới sự sụp đổ của khối xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô trước đây, để rút ra kinh nghiệm cho xác định mục tiêu, phương pháp và lộ trình của đổi mới ở Việt Nam.

Bài viết của tác giả Lưu Văn Sùng, tuy nhiên, chưa đề cập một số trường hợp biến đổi, cách mạng xã hội diễn ra trong vòng mười lăm năm trở lại đây, đặc biệt là diễn biến của các cuộc ‘cách mạng’, biến động¹⁶ ở Trung Á, cách mạng Cam ở châu Âu và Mùa Xuân Ả-rập¹⁷, nhưng rõ ràng có thể thấy, Đảng Cộng sản Việt Nam đã nhấn mạnh hơn bao giờ hết nhu cầu của giữ vững sự lãnh đạo của Đảng cầm quyền trên cơ sở ổn định để phát triển, trong đó có cải cách và phát triển phải ổn định, trong đó có ổn định chính trị và xã hội. Vì trên thực tế, vẫn theo các nhà lý luận của Đảng, tình hình bất ổn chính trị ở một số quốc gia trong các biến động kể trên tới nay vẫn còn ‘phức tạp’ và hàm chứa nhiều yếu tố bất trắc, bất lợi cho an ninh quốc gia, cũng như có hại cho phát triển kinh tế, xã hội.

Thực ra, ngoại trừ những vấn đề gây tranh cãi về tư cách, tính chính danh chính trị của Đảng Cộng sản ra, hay bên cạnh một số vấn đề mà

¹⁵ Lưu Văn Sùng, tài liệu đã dẫn.

¹⁶ Nguyễn Đức Thắng, “Âm mưu, thủ đoạn ‘lật đổ chính trị trong hòa bình’ của Mỹ và phương Tây ở các nước Trung Á và Đông Âu thời gian qua”, Tạp chí Cộng sản, 18/3/2008.

¹⁷ Lê Thế Mậu, Đại tá, “Mùa Xuân Ả-rập: hai năm nhìn lại”, Tạp chí Cộng sản, 07/02/2013.

Đảng Cộng sản lâu nay vẫn bị cáo buộc là ‘tham quyền, cố vị’, ‘độc tài, chuyên chính’, vi phạm dân chủ, nhân quyền, tham nhũng quyền lực v.v... ra, thì dường như luận điểm về đường lối cải tổ này (mà tại Trung Quốc thời kỳ đổi mới hậu Mao Trạch Đông, khởi đầu từ Đặng Tiểu Bình cho đến nay, vẫn luôn luôn đề cao là giữ ổn định chính trị là ưu tiên, giữ vị thế của ĐCS lãnh đạo là then chốt, đổi mới kinh tế đi trước, ném đá dò đường, cải tổ chính trị, thể chế từng bước theo sau v.v...) có thể là một lập trường mà Đảng Cộng sản có thể đem ra để ít nhiều tự bảo vệ vị thế và tính chính danh chính trị và quyền lực của mình như một luận điểm khá lợi hại trong thời kỳ hậu chiến và tình hình hiện nay, trước các thách thức của các lực lượng chính trị trong nước, trong và ngoài Đảng, cũng như trước các áp lực, yêu cầu cải tổ, đổi mới, hội nhập từ quốc tế và khu vực.

Nhìn lại quá khứ ba chục năm qua, nhìn vào thực trạng hiện nay, hướng tới trước mắt cũng như dài hạn, các nhà lý luận của Đảng hình dung và gợi ý một viễn cảnh đổi mới, mà vẫn nhấn mạnh cách đi đã được xác định như một nguyên tắc an toàn như trong ba chục năm qua, chẳng hạn theo Lưu Văn Sùng, như sau:

“Bước vào công cuộc đổi mới cũng như hiện nay phải bảo đảm cho đất nước vừa ổn định, vừa phát triển, phải có bước đi đúng cả trong lĩnh vực kinh tế và chính trị.”

Về kinh tế, tác giả tiếp tục nhấn mạnh nguyên tắc đổi mới tiến hành từng bước: “Về kinh tế, chúng ta đang tái cấu trúc nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng, trong đó có một nhiệm vụ quan trọng là cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, song không phải thực hiện một cách tức thời, mà phải tiến hành từng bước.” Về tái cấu trúc nền kinh tế, tác giả khẳng định: “tái cấu trúc nền kinh tế không thể nóng vội, mà cần có tầm nhìn chiến lược sâu sắc”.

Về chính trị, tác giả nêu quan điểm: “Cơ bản là phát huy dân chủ, trước hết là trong Đảng, trên cơ sở đó mở rộng ra toàn xã hội, song phải thực hiện từng bước, vừa làm vừa rút kinh nghiệm, bởi nếu tiến hành vội vàng có thể dẫn đến hỗn loạn, không kiểm soát được.”¹⁸

Linh hoạt, chủ động

Trong quan sát của chúng tôi, dường như cho tới nay, Đảng cộng sản Việt Nam vẫn đang trong một quá trình dò đường, do Đảng đã tuyên bố đưa đất nước đi lên xã hội chủ nghĩa và tiến tới đích cuối cùng là CNCS, nhưng hiện nay đất nước vẫn còn đang được xếp ở mức độ của một quốc gia có mức thu nhập trung bình thấp (được công nhận vào năm 2010,

¹⁸ Lưu Văn Sùng, tài liệu đã dẫn.

theo UNDP)¹⁹, Đảng buộc lòng phải tuyên bố đất nước vẫn trong một quá trình ‘quá độ đi lên xã hội chủ nghĩa’ mà dường như về mặt thời gian là chưa có thời hạn rõ ràng, mặc dù có nhà lý luận của Đảng hé lộ Đảng đã có kế hoạch cho một ‘làn sóng thứ tư’ về công cuộc phát triển ở Việt Nam, như tác giả Nhị Lê²⁰, cho biết:

“Nếu nhịp sóng thứ nhất với 30 năm đầu (1930 - 1960), qua hai kỳ Đại hội của Đảng: Đại hội I (tháng 3-1935), Đại hội II (tháng 2-1951), chúng ta giành chính quyền, lập quốc, hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc, từng bước tiến hành cuộc cách mạng dân chủ, tới nhịp sóng thứ hai, với 4 kỳ Đại hội của Đảng, khoảng gần 30 năm (1960 - 1986), bắt đầu từ Đại hội III (tháng 9-1960), Đại hội IV (tháng 12-1976), Đại hội V (tháng 3-1982), và nhịp sóng thứ ba tròn 30 năm (1986 - 2016)... Dự báo nhịp sóng thứ tư sẽ tròn 30 năm (2016 - 2045), khi nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tròn một trăm năm.”

Trong quá trình dò đường này, một số nỗ lực sáng tạo và linh hoạt theo tổng kết của các nhà lý luận của Đảng đã diễn ra. Có thể đây là những nỗ lực phát lộ do yêu cầu khách quan của quá trình cải tổ, đổi mới trong từng lĩnh vực hoặc trên một diện rộng, nhưng cũng có thể đây là những nỗ lực đã được sáng tạo trong quá trình nhận thức đầy đủ về nguyên tắc và biên độ an toàn trong cải tổ, đổi mới của Đảng. Tuy nhiên, dù nỗ lực như thế nào, thì dường như các nhà ‘cải tổ, cách tân’ vẫn luôn luôn ý thức được cải tổ phải hướng tới đâu, thỏa mãn điều kiện gì và đáp ứng yêu cầu nào của Đảng.

Chẳng hạn, trong lĩnh vực hội nhập kinh tế quốc tế, một lĩnh vực gạch nối giữa quan hệ quốc tế và cải tổ, phát triển kinh tế, một cựu quan chức lãnh đạo kinh tế đối ngoại của nhà nước, tác giả Vũ Khoan,²¹ viết: “Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế theo tinh thần giữ vững độc lập, tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa”; và mặt khác: “Mặc dù hội nhập kinh tế quốc tế có nghĩa là tuân thủ những “luật chơi” chung, nhưng chúng ta vẫn giữ vững độc lập, tự chủ về chế độ chính trị - xã hội, về đường lối chính sách đối nội và đối ngoại.”

Gần đây, các tiếp xúc giữa Việt Nam và Hoa Kỳ, một đại diện của phương Tây tư bản chủ nghĩa và đối tác toàn diện của Việt Nam, riêng trong khuôn khổ hợp tác đi tới ký kết và chuẩn thuận một Hiệp định hợp tác quốc tế đa phương thể hệ mới, Hiệp định Đối tác Xuyên Thái Bình Dương (TPP), đã có sự tiếp xúc, thăm viếng mang tính lịch sử giữa các

¹⁹ UNDP, Báo cáo Tóm tắt Chính sách, Báo cáo Phát triển Con người Việt Nam năm 2015 về Tăng trưởng Bao trùm.

²⁰ Nhị Lê, “Không ngừng đổi mới chính trị, vì sự phát triển toàn diện, đồng bộ và tiếp tục thành công của sự nghiệp đổi mới,” Tạp chí Cộng sản, 16/6/2016.

²¹ Vũ Khoan, nguyên Bí thư Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng phụ trách kinh tế đối ngoại, “Ba mươi năm hội nhập kinh tế quốc tế: Một vài suy ngẫm và đề xuất hướng tới”, Tạp chí Cộng sản, 14/3/2015.

nguyên thủ là lãnh đạo Đảng CSVN (Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng) và Tổng thống Hoa Kỳ Barack Obama.

Việt Nam tuyên bố sau các cuộc gặp thượng đỉnh giữa các nhà lãnh đạo cao cấp này của hai bên là hai quốc gia đã công nhận và tôn trọng đầy đủ thể chế chính trị của nhau, cam kết ‘không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau’²². Điều này, so với quan điểm của tác giả Vũ Khoan ở bài viết trên Tạp chí Cộng sản, dường như có điểm nhất quán.

Tuy nhiên, Vũ Khoan cũng khẳng định khi hội nhập, quốc gia hội nhập là Việt Nam cũng phải có những điều chỉnh, linh hoạt nhất định, tác giả này viết tiếp về hội nhập kinh tế quốc tế và tuân thủ luật chơi: “Nói như vậy không có nghĩa là chúng ta hành động theo tinh thần “đường ta, ta cứ đi”, mà chúng ta đã chủ động điều chỉnh hệ thống văn bản pháp quy, thể chế kinh tế phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa mà ta đang từng bước xây dựng và phát triển cũng như các “luật chơi” quốc tế”.

Ngoài ra, tác giả²³ còn nhấn mạnh thêm: “Kết hợp nhuần nhuyễn giữa hội nhập kinh tế quốc tế với quá trình hội nhập trên những lĩnh vực khác, như chính trị, an ninh – quốc phòng, văn hóa, xã hội... trong một tổng thể, bổ sung, hỗ trợ cho nhau nhằm mục tiêu chung của đất nước trong từng thời kỳ, ở từng khu vực, với mỗi đối tác.”

Dường như ở đây có hàm chứa một sự ‘tự tin’ ngày một lên cao của Đảng trong việc tuyên bố và thực hiện tinh thần ‘chủ động’ trong hội nhập, chứ không phải là để mình rơi vào tình trạng ‘bị động’, ‘thụ động’, và từ hội nhập về mặt kinh tế quốc tế, các nhà đối mới còn đưa tầm nhìn và viễn vọng sang cả các lĩnh vực khác mà Vũ Khoan nêu như ‘chính trị, an ninh, quốc phòng, văn hóa, xã hội v.v...’

Ở đây, trở lại và qua bài viết của nhà chính khách Vũ Khoan, có thể thấy nổi bật lên ít nhất hai điều là Việt Nam hội nhập quốc tế, nhưng luôn quán triệt nguyên tắc “giữ vững độc lập tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa”, trả lời cho một câu hỏi trong thực hành chính trị ở Việt Nam là liệu “theo Mỹ hay phương Tây có mất Đảng, mất chính quyền không? Nếu không, thì phải làm gì?”. Và thứ hai, tuy thế, đã hội nhập thì anh không thể một mình một kiêu, mà cũng phải nhượng bộ, điều chỉnh, thích nghi ít nhiều theo ‘luật chơi chung’. Cái này có thể gọi là tính linh hoạt trong biên độ và tư duy đổi mới, miễn sao là vẫn đảm bảo được nguyên tắc tiên quyết – giữ vững sự lãnh đạo của Đảng, giữ ổn định cho chế độ và thể chế mà Đảng cộng sản đang lãnh đạo lâu nay, mà một số người quen gọi là “dĩ bất biến ứng vạn biến.”

²² Hoàng Bình Quân, Trưởng ban Đối ngoại TƯ Đảng, trả lời phỏng vấn VnExpress về chuyến thăm Mỹ của Tổng bí thư ĐCSVN Nguyễn Phú Trọng, “Mỹ tôn trọng đầy đủ thể chế chính trị của Việt Nam”, VnExpress, 06/7/2015.

²³ Vũ Khoan, tài liệu đã dẫn.

Kinh tế thị trường

Sản phẩm của tư duy đổi mới, cải tổ chính trị của Đảng cộng sản Việt Nam qua 30 năm trở lại dường như đã đạt được một số ‘thành tích’ như các nhà lý luận của Đảng chỉ ra, các thành tích này có thể nằm trên một lĩnh vực cụ thể nào đó, nhưng khi được phối hợp lại, có thể tạo ra hiệu quả tích hợp và phát huy trên một bình diện chung, rộng lớn hơn. Một trong các sản phẩm – thành tựu đổi mới tư duy ấy có thể nhắc đến trong lựa chọn mô hình phát triển.

Chẳng hạn, tác giả Lưu Văn Sùng²⁴ khẳng định tính tất yếu khách quan của sự phát triển kinh tế thị trường, nhưng nhấn mạnh thêm thiết chế này, và đồng thời trong tư cách của một thang bậc nhận thức và phát triển trong lịch sử loài người, là một sản phẩm chung như một tất yếu khách quan đáp ứng nhu cầu phát triển phổ quát của nhân loại, mà không hạn chế là thành tựu của riêng một thể chế chính trị, chủ nghĩa nào, chẳng hạn như của Chủ nghĩa Tư bản. Tác giả khẳng định “Kinh tế thị trường được thừa nhận là thành tựu chung của văn minh nhân loại, không phải là cái riêng có của chủ nghĩa tư bản, mặc dù nó ra đời gắn với chủ nghĩa tư bản và được phát triển đầy đủ dưới chủ nghĩa tư bản”.

Cho rằng, do đó, xây dựng kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay là một ‘tất yếu khách quan’, một yêu cầu tất yếu của phát triển, tác giả khẳng định: “Xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa chính là thực hiện chủ nghĩa nhân đạo trong kinh tế thị trường, đó là xu hướng tiến bộ của kinh tế thị trường và là mô hình phát triển ở nước ta hiện nay”. Về vai trò của Đảng cộng sản lãnh đạo thể chế này, tác giả đề nghị “Củng cố và hoàn thiện vai trò lãnh đạo của ĐCS để bảo đảm kiên định thực hiện mục tiêu xã hội chủ nghĩa, bảo đảm tính chất xã hội chủ nghĩa trong nền kinh tế thị trường”.

Như vậy ở đây có thể thấy, các nhà lý luận của Đảng đã cho thấy sự linh hoạt trong tư duy của Đảng, Đảng sẵn sàng mượn công cụ của chủ nghĩa tư bản để phục vụ cho mục tiêu chính trị của mình, đồng thời, không dừng ở đó, Đảng đã giành ‘quyền sở hữu’ thành tựu này mà chính Đảng thừa nhận là xuất hiện và phát triển đầy đủ trong chủ nghĩa tư bản, từ tay của chủ nghĩa tư bản về tay của chế độ xã hội chủ nghĩa, do đó Đảng giúp trả lời băn khoăn và thắc mắc của những ai khi đặt câu hỏi, chẳng hạn, tại sao những người cộng sản lại sử dụng các chiêu thức, công cụ phát triển của hay giống hệt chủ nghĩa tư bản trong lúc lãnh đạo và đưa đất nước đi lên xã hội chủ nghĩa? Nếu vậy phải gọi họ sau cùng là gì?

²⁴ Lưu Văn Sùng, “Lựa chọn mô hình phát triển trong điều kiện hiện nay”, website Đảng Cộng sản, 05/10/2015.

Về thực chất thì xét theo một khía cạnh nào đó, lập luận của ĐCS là phù hợp với quan điểm của các ông tổ của học thuyết Marxist từ trước, khi khẳng định trong quá trình đi lên xã hội chủ nghĩa, các quốc gia theo chủ thuyết này có thể thấy có sự tồn tại của đồng thời một lúc nhiều loại hình quan hệ sản xuất, từ tiền tư bản chủ nghĩa cho tới tư bản chủ nghĩa, đồng thời, lập luận ấy cho thấy ĐCS tiếp tục tìm kiếm thêm các cơ sở để đảm bảo, bảo vệ tính chính danh chính trị của mình trong lúc lãnh đạo thể chế nhất nguyên, độc Đảng ở đất nước.

Ở đây, xin có mở ngoặc là Việt Nam trong nhiều năm nay đã và đang vận động các nước thành viên của Liên Hợp quốc, trong đó có các quốc gia phương Tây, từ Mỹ tới EU, Nhật Bản, Australia v.v... công nhận Việt Nam là quốc gia có nền kinh tế thị trường đầy đủ. Có ý kiến cho rằng đây chỉ là một động tác để Việt Nam hướng tới đạt hiệu quả lớn hơn về mặt kinh tế, thương mại, trong đối phó với các điều kiện hội nhập về mặt pháp luật, thể chế của kinh tế thế giới, mà trong đó của các quốc gia có nền kinh tế thị trường, qua đó Việt Nam được hưởng các quy chế có lợi hơn khi được công nhận về mặt thuế suất, đầu tư, mậu dịch v.v...

Tuy nhiên, theo chúng tôi, cũng nên quan tâm về khía cạnh ĐCSVN muốn tăng cường thêm tính chính danh chính trị của mình trước bất cứ lực lượng nào trong và ngoài Đảng, trong nước và hải ngoại muốn thách thức vai trò lãnh đạo độc tôn của ĐCS, chẳng hạn Đảng có thể nói: này đây, Hoa Kỳ đã tuyên bố tôn trọng đầy đủ thể chế chính trị của Việt Nam và không can thiệp nội bộ, này đây các nước phương Tây cũng đã công nhận Việt Nam có nền kinh tế thị trường đầy đủ, mà ở trong nước chính là nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa do Đảng lãnh đạo v.v... Như vậy, những người thách thức nếu có gì cần hỏi, có thể xin hỏi các nước phương Tây, vì họ đã chấp nhận cả chế độ chính trị lẫn thể chế kinh tế của Việt Nam rồi, do đó mà các câu hỏi về nhân quyền, dân chủ, hay các vấn đề về đảm bảo quyền lợi, lợi ích cho doanh nghiệp tư nhân, công nhận quyền sở hữu tư nhân về đất đai, ruộng đất (mà hiện chưa có) chẳng hạn, sẽ có thể vẫn được đặt ra nhưng áp lực đã được giải tỏa là đáng kể đối với Đảng.

Thách thức tư duy

Bài viết này là quá nhỏ và không đủ sức bao quát rất nhiều các lĩnh vực và ‘thành tựu’ đổi mới trong tư duy cải tổ và đổi mới chính trị của ĐCSVN qua 30 năm đổi mới. Tuy nhiên **trước khi khép lại bài viết** này, chúng tôi xin điểm qua một vài thách thức đối với tư duy trong lĩnh vực này của ĐCSVN như sau đây.

(1) Vai trò của Đảng trong nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa:

Đây là một câu hỏi đã được các nhà lý luận của Đảng đưa vào trong các chương trình nghiên cứu tổng kết 30 năm đổi mới của Đảng. Rất nhiều các tác giả, chẳng hạn Trần Ngọc Liêu hay Nguyễn Hữu Khiển, dù

là dưới góc độ triết học, chính trị học, hay khoa học hành chính, khoa học quản lý²⁵, đã đặt các vấn đề về thực chất của mô hình nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là gì và giải quyết thế nào vai trò, vị trí của Đảng lãnh đạo, mà ở đây là Đảng cộng sản, chính Đảng duy nhất được hiến định ở Việt Nam, trong một nền chính trị nhất nguyên, một Đảng, và nhà nước pháp quyền, vốn về nguồn gốc cũng bắt nguồn và phát triển tương đối đầy đủ cùng với chủ nghĩa tư bản.

Tác giả Trần Ngọc Liêu nêu quan điểm về mô hình: “Trong nhận thức của Đảng, những đặc trưng cơ bản của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam được xác định ở những nội dung chủ yếu sau:

“Một là, nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân trong đó nền tảng là khối đại đoàn kết toàn dân tộc với nòng cốt là liên minh giữa giai cấp công nhân với nông dân và tầng lớp trí thức. Hai là, nhà nước hợp hiến, quản lý và điều hành xã hội bằng pháp luật đồng thời coi trọng giáo dục, nâng cao đạo đức và tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa. Ba là, quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Bốn là, nhà nước được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Năm là, nhà nước do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.”

Có thể rút ra một điểm khái quát từ mô hình hiện đang được xây dựng và thi triển này ở Việt Nam, như qua tổng kết ở trên của tác giả Trần Ngọc Liêu, với một đặc điểm khá rõ: nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa tuy là nhà nước ‘của dân, do dân và vì dân’, nhưng nhà nước điều hành xã hội bằng luật pháp (do Đảng sáng lập) và nhà nước vẫn do ĐCS ‘lãnh đạo’.²⁶ Và nếu mô hình này vẫn giữ những đặc điểm căn bản này, thì có vẻ sẽ rất khó giải quyết được những mâu thuẫn lớn về mặt logic trong việc làm thế nào mà trong nhà nước được cho là thượng tôn pháp luật ấy, lại có một chính Đảng đứng trên cả hiến pháp, được quyền đơn phương sáng lập hiến pháp mà không thông qua phúc quyết của nhân dân, lại được hiến định trong hiến pháp là lực lượng lãnh đạo cao nhất,

²⁵ Trần Ngọc Liêu, Đại học Quốc gia Hà Nội, “Tiếp tục đổi mới tư duy lý luận của ĐCSVN về nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam”, Tạp chí Cộng sản, 05/10/2015.

²⁶ Trong nhiều năm qua, giới nghiên cứu lập pháp và chính trị của Đảng và nhà nước Việt Nam đã có nhiều chương trình nghiên cứu về ‘nhà nước pháp quyền’ trong chế độ xã hội chủ nghĩa, các chương trình đã nghiên cứu, tổng kết nhiều mô hình lý luận về nhà nước pháp quyền, pháp chế xã hội chủ nghĩa, về quan hệ giữa phân công và thống nhất quyền lực, thay vì các mô hình, nguyên tắc và thể chế được cho là sản phẩm của các nhà nước tư sản trong lịch sử mà có thể không phù hợp với đặc thù Việt Nam hiện nay, nổi bật trong số đó, là ‘tam quyền phân lập’, bên cạnh nhiều nội dung khác của ‘pháp quyền tư sản chủ nghĩa’ v.v...

duy nhất, lãnh đạo toàn diện nhà nước, chính quyền và toàn bộ các lực lượng trong xã hội trên toàn thể mọi lĩnh vực.

Cũng từ mâu thuẫn logic có thể coi là ‘gốc rễ’, ‘căn bản’ này, mà đã xuất hiện ra nhiều mâu thuẫn về mặt chức năng, chẳng hạn như Nguyễn Hữu Khiển²⁷ trong bài viết từ góc độ của khoa học hành chính đã đặt câu hỏi: “Tại sao các nước họ không xuất hiện tình trạng này (Đảng làm thay). Là vì, một là những vị trí chủ chốt của nhà nước đều do các Đảng viên của Đảng cầm quyền nắm giữ. Thứ hai họ không có những bộ phận của Đảng cầm quyền làm những việc “giống với công việc của nhà nước”, trong khi ở nước ta hiện tượng này là có. Đã có lúc thiết kế bộ máy trong hệ thống chính trị nước ta theo mô hình “ban bố song hành” giữa Đảng và nhà nước, như kiểu bộ nông nghiệp và ban nông nghiệp.”

Và ý kiến này đề xuất hướng giải quyết mối quan hệ được cho là ‘lẫn lộn’, ‘chồng chéo’ giữa Đảng và chính quyền tại Việt Nam hiện nay: “Một là về khoa học, phải nghiên cứu và có câu trả lời rằng tại sao các nước lại không có lẫn lộn chức năng, chồng chéo công việc như ở nước ta. Theo tôi nguyên nhân cơ bản là do nhận thức về thiết kế tổ chức trong hệ thống chính trị. Theo đó đặt những thể chế tách rời trong khi vị thế của nó có thể thống nhất như kiểu “hai trong một” vậy. Hai là nên tổ chức sớm việc nhất thể hóa, tiến tới cả hệ thống²⁸.”

Qua ý kiến của tác giả Nguyễn Hữu Khiển, có thể thấy tình trạng quan hệ chức năng tương đối rối trong quan hệ giữa Đảng và nhà nước, qua đó đã tới lúc ngay trong nội bộ của Đảng nhận thấy có sự quá mức dẫn tới hàng loạt hiệu ứng như khóa nhau về mặt chức năng, chồng chéo nhau về mặt quyền lực, trách nhiệm và quyết định, vô hiệu hoặc giảm tác dụng của hành chính về mặt công năng, hiệu quả chính quyền và lãng phí về nhiều mặt từ nhân sự, thủ tục, nguồn lực, thời gian v.v... Nhưng điều quan trọng hơn, có thể vấn đề chính ở đây là đã có một nhà nước ‘thượng tôn pháp luật’, với một bộ máy ‘chính quyền’ từ trung ương tới địa phương, các bộ, ban ngành, chưa kể tòa án, viện kiểm sát, bên cạnh hệ thống ‘dân cử’ là các cơ quan như quốc hội, hội đồng nhân dân các cấp, v.v..., lại có thêm một bộ máy song hành là hệ thống Đảng, với chức

²⁷ Nguyễn Hữu Khiển, Nguyên Phó Giám đốc Học viện Hành chính, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, “Về mối quan hệ giữa Đảng và Nhà nước trong giai đoạn hiện nay,” Báo điện tử Đảng Cộng sản, 30/9/2015.

²⁸ Đã đang có dự án thí điểm nhất thể hóa hai chức vụ Đảng, chính quyền ở một số địa phương, trong đó có thí điểm ở tỉnh Quảng Ninh, miền Bắc miền Nam. Trong số những người thực hiện dự án thí điểm có đương kim Trưởng Ban Tổ chức Trung ương Đảng Phạm Minh Chính. Trong một chuyến thị sát và tìm hiểu tình hình dự án ở tỉnh này, Tổng Bí thư ĐCSVN Nguyễn Phú Trọng, với sự tháp tùng của lãnh đạo Ban Tổ chức Trung ương Đảng, nguyên Phó Trưởng ban thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương, và một số quan chức, chuyên viên cao cấp khác, đã lưu ý dự án cần vừa làm vừa rút kinh nghiệm và tránh vội vàng, gây hậu quả.

năng ‘tối cao’, trên cả pháp luật, thì đương nhiên đây là một vấn đề vô cùng phức tạp và riêng về mặt hiệu quả kinh tế của quốc gia, phải nuôi sống thêm cả một bộ máy kép quan lại, cai trị như vậy, sẽ là một thách thức vô cùng lớn đối với ngân sách của nhà nước và túi tiền của người dân, doanh nghiệp... đóng thuế.

Riêng về mặt ‘thượng tôn pháp luật’, một trong các thành tố của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa theo lý luận của Đảng²⁹, thì theo chúng tôi sự có mặt của Đảng đứng trên pháp luật, sẽ làm vô hiệu hệ thống ‘thượng tôn’ này, và do đó, dù nỗ lực của các nhà lý luận ủng hộ thể chế và quyền lực của Đảng thế nào, mô hình này hàm chứa những mâu thuẫn nội tại vô cùng to lớn và dẫn đến sự vô hiệu, vô nghĩa của nó ngay từ xuất phát điểm, mặc dù Đảng luôn lý giải trong mô hình này, quyền lực của nhà nước có sự phân công, phối hợp chức năng (chẳng hạn trong lập pháp, hành pháp và tư pháp), nhưng lại thống nhất bởi quyền lực nhà nước do Đảng nắm, như theo giải thích của các văn kiện, nghị quyết và văn bản pháp luật của Đảng và nhà nước ban hành. Điều đáng nói là luật pháp do Đảng lập ra, các cơ quan, thiết chế quyền lực của nhà nước, từ trung ương tới địa phương lại đều do Đảng lãnh đạo thì đây là tập quyền hay là tản quyền và đây là dân chủ, nhà nước pháp quyền hay vẫn chỉ là đơn nguyên, độc Đảng và chuyên chế, câu trả lời đó tiếp tục dành cho các nhà nghiên cứu quan tâm về Việt Nam học, trong đó có chính trị học, hành chính học, khoa học quản lý và xã hội học.

(2) Dân chủ và một Đảng

Các nhà lý luận của Đảng cộng sản Việt Nam trong suốt 30 năm đổi mới vừa qua thừa nhận đã và đang xuất hiện nhiều vấn đề cần phải tìm lời giải đáp có liên quan tới quan hệ giữa nền chính trị nhất nguyên một Đảng, mà trong đó Đảng cộng sản là Đảng cầm quyền duy nhất được nhà nước thừa nhận và hiến định, với nhu cầu đòi hỏi về dân chủ và dân chủ hóa trong toàn bộ xã hội, đặc biệt trong đó là sự nổi lên của xã hội dân sự như một trào lưu chung trong sự phát triển của nhân loại trên thế giới.

²⁹ Theo Đỗ Đức Minh, Đại học Quốc gia Hà Nội, “Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam – những yếu tố tác động từ truyền thống và hiện tại”, Tạp chí Cộng sản, 16/10/2014, thì: “Khái niệm Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa được hiểu bao gồm các yếu tố: quyền làm chủ của nhân dân; thượng tôn hiến pháp và pháp luật; tôn trọng, bảo vệ nhân quyền; quyền lực nhà nước thống nhất, có sự phân công và phối hợp kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp; Đảng Cộng sản Việt Nam là lực lượng duy nhất lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Đồng thời, sự khác biệt giữa quan niệm về Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa với nhận thức chung về nhà nước pháp quyền trên thế giới được thể hiện ở hai yếu tố cơ bản: quyền lực nhà nước được tổ chức theo nguyên tắc chung và chế độ chính trị xã hội chủ nghĩa.”

Một số nhà lý luận cảm nhận và cho rằng có các áp lực về dân chủ và cả nhân quyền tới từ tác động của kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế³⁰; trong khi đó, có người thấy rằng cần xem xét tới khía cạnh mô hình tổ chức một nền dân chủ để trả lời những câu hỏi về quan niệm của ĐCS về chế độ dân chủ và liệu có nên đưa ra một mô hình dân chủ hay không?³¹ Cùng lúc đó, có những nỗ lực khác nhấn mạnh khía cạnh này, hay khía cạnh khác trong giải quyết bài toán ‘dân chủ’ trong thể chế nhất nguyên một Đảng, chẳng hạn có tác giả bàn tới nguyên lý ‘dân chủ trực tiếp’³², trong khi có người đề xuất giải pháp sử dụng ‘Mặt trận Tổ quốc’, một tổ chức, thiết chế chính trị cầu nối Đảng – dân, trong phản biện xã hội như một phương thức thực hành dân chủ.³³

Trong một bài viết có tính chất khái quát và tổng quan hơn liên quan tới lĩnh vực dân chủ trong chế độ chính trị hiện nay ở Việt Nam do Đảng cộng sản lãnh đạo qua 30 năm đổi mới, tác giả Lê Hữu Nghĩa³⁴ nêu ra một số vấn đề được gọi là ‘hạn chế, yếu kém’ trong thực hành và phát huy dân chủ ở Việt Nam, mà theo khía cạnh nào đó, cũng có thể hiểu là một số thách thức, trong đó có các điểm như: (i) nhận thức về dân chủ trong một bộ phận cán bộ, Đảng viên và nhân dân còn nhiều hạn chế. Tại đây tác giả nhấn mạnh “một số lại có ảo tưởng muốn đạt ngay một trình độ phát triển cao của dân chủ trong khi nhiều tiền đề khách quan và chủ quan chưa chín muồi”; (ii) cải cách hành chính chưa đạt yêu cầu đề ra; thủ tục hành chính còn gây phiền hà cho tổ chức và công dân; (iii) phương thức tổ chức, phong cách của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội về cơ bản vẫn chưa thoát khỏi tình trạng quan liêu, chưa sâu sát các tầng lớp nhân dân và cơ sở; (iv) quyền làm chủ của nhân dân ở một số nơi, trên một số lĩnh vực còn bị vi phạm; (v) dân chủ trong Đảng chưa được thực hiện đầy đủ, vẫn còn tình trạng dân chủ hình thức.

³⁰ Nguyễn Thanh Tuấn, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, “Tác động của kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế đến vấn đề dân chủ, nhân quyền ở nước ta hiện nay,” Tạp chí Cộng sản, 16/4/2014.

³¹ Hà Đăng, nguyên Trợ lý Tổng bí thư ĐCSVN, cựu Tổng thư ký, ủy viên thường trực Hội đồng lý luận trung ương ĐCSVN, “Mô hình tổ chức nền dân chủ”, Tạp chí Cộng sản, 29/9/2010.

³² Nguyễn Văn Hậu, Học viện Hành chính Quốc gia, “Tiếp tục xây dựng dân chủ trực tiếp nhằm thực hiện, phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa theo Nghị quyết Đại hội XII của Đảng”, Tạp chí Cộng sản, 29/02/2016.

³³ Phạm Xuân Hằng, nguyên Phó Chủ tịch không chuyên trách Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, nguyên Chủ tịch Mặt trận TP. Hà Nội, nguyên Trưởng Ban tuyên giáo Thành ủy Hà Nội, “Phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc – một phương thức thực hành dân chủ tạo sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc,” Tạp chí Cộng sản, 17/11/2010.

³⁴ Lê Hữu Nghĩa, Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương ĐCSVN, “Thực hành và phát huy dân chủ qua 30 năm đổi mới”, Tạp chí Cộng sản, 11/03/2016.

Và ý kiến này nêu ra một số nguyên nhân của các ‘hạn chế, yếu kém’ trên, như: (i) trình độ thấp kém của kinh tế hiện nay ở nước ta với thể chế kinh tế thị trường còn sơ khai, chưa hoàn thiện sẽ hạn chế rất nhiều sự phát triển của dân chủ trong xã hội; (ii) nước ta bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa để tiến lên xã hội chủ nghĩa cũng có nghĩa là bỏ qua dân chủ tư sản, nhân dân chưa có ý thức và năng lực thực hành dân chủ, chưa qua trường học của dân chủ tư sản, chưa có một nền văn hóa dân chủ ở mức cần thiết, chưa có thói quen tuân thủ pháp luật trong một nhà nước pháp quyền nên dễ rơi vào cực đoan; (iii) nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân mới đang từng bước được xây dựng; hệ thống pháp luật còn thiếu và chưa đồng bộ, thiếu nhất quán; (iv) dân chủ gắn liền với dân trí, nhưng mặt bằng dân trí, trình độ dân trí chung của nhân dân còn thấp.

Đặc biệt, ý kiến lý luận này nhấn mạnh nguyên nhân thứ (vi): tác động của mặt trái kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế; các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân chủ, nhân quyền, lợi dụng những sơ hở, thiếu sót của chúng ta để chống phá Đảng, nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa.³⁵

Rõ ràng đây là góc nhìn của một nhà lý luận của Đảng, đang nhìn các vấn đề từ giác quan của giới lãnh đạo chính quyền. Góc nhìn này cũng đã có nỗ lực nhìn từ trên xuống, phối hợp với nhìn từ dưới lên, nhưng dường như là đều nhìn qua lăng kính của hệ thống chính trị mà Đảng cầm quyền xác lập nên.

Một loạt các tiêu chuẩn và nguyên tắc của thể chế dân chủ theo mô hình chính trị và quyền lực một Đảng nhất nguyên đã được tính đến, trong khi các tiêu chuẩn, nguyên tắc cơ bản của thiết chế dân chủ và thực hành dân chủ hiện đại dường như không được nhìn nhận, chẳng hạn trong các công ước, điều ước liên quan của Liên hiệp quốc, mà Việt Nam là một thành viên ký kết, dường như đã không được cứu xét, tham khảo thỏa đáng, đầy đủ.

Các đánh giá, xem xét, nhận thức về dân chủ và mô hình dân chủ ở đây, như đã được đề cập trong Cương lĩnh bổ sung và phát triển năm 2011 của ĐCSVN³⁶ hay qua nhiều nghị quyết gần đây của các đại hội ĐCS vẫn chủ yếu nhìn nhận dân chủ qua những lăng kính như nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể (chính trị - xã hội) nhân dân, hay trong dân chủ từ trong nội bộ ĐCSVN.³⁷

³⁵ Lê Hữu Nghĩa, tài liệu đã dẫn.

³⁶ Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên xã hội chủ nghĩa (bổ sung, phát triển năm 2011), văn kiện Đại hội XI của ĐCSVN, Tạp chí Xây dựng Đảng.

³⁷ Hà Đăng, tài liệu đã dẫn.

Một loạt các tiêu chí cơ bản như từ quyền tự do ngôn luận, tự do tư tưởng cho tới tự do lập hội, nghiệp đoàn và các quyền tự do dân sự, chính trị cơ bản³⁸, chưa kể nhiều quyền khác mà các giới vận động dân chủ hóa, tự do hóa ở Việt Nam lâu nay liên tục đòi hỏi như các quyền được tự do bầu cử, ứng cử, tự do thành lập và tham gia Đảng phái, hội đoàn độc lập, cho tới công nhận, đảm bảo vai trò, chức năng và các quyền chính trị của xã hội dân sự, một cột trụ trong nền dân chủ và pháp quyền hiện đại và quyền của các thành viên, người thụ hưởng trong thiết chế xã hội này, dường như đã ít được nhấn mạnh tương xứng với tầm quan trọng của chúng, hoặc đã được diễn giải theo đặc trưng riêng của chế độ chính trị hiện hữu tại Việt Nam, mà việc khoác cho chiếc mũ ‘một số có ảo tưởng muốn đạt ngay một trình độ phát triển cao của dân chủ trong khi nhiều tiền đề khách quan và dân chủ chưa chín muồi’ là một ví dụ.

Một câu hỏi đặt ra là các tiền đề khách quan và dân chủ này, nếu xét theo các chuẩn cơ bản của quốc tế, thì 40 năm qua, xét từ mốc 30/4/1975, hoặc gần hơn 30 năm, từ năm 1986, tại sao chưa được xây dựng, xác lập, hay chính thể chế, chế độ hiện hành là một cản lực để xác lập, kiến thiết các điều kiện đó? Nếu chưa đạt được thì ai phải chịu trách nhiệm và bao giờ người dân Việt Nam có thể có được các ‘tiền đề’ đó, hay là không bao giờ, nếu vẫn tiếp tục tình hình như ba mươi, bốn mươi năm qua và có thể là còn dài hơn thế ở một số khu vực, vùng miền của Việt Nam?

Tuy nhiên, trong lúc cuộc tranh luận về tiêu chuẩn quốc tế và điều kiện hoàn cảnh Việt Nam (hậu chiến, khó khăn kinh tế, dân trí thấp, quan trí chưa cao vân vân và vân vân), bên cạnh các tranh luận khác về tính đặc thù và tính phổ quát (văn hóa, kể cả văn hóa chính trị, điều kiện phát triển kinh tế, xã hội v.v... của Việt Nam khác thế giới và các nước) còn có thể sẽ mất nhiều thời gian và giấy mực, thì cũng có thể, chẳng hạn qua bài tổng quan của tác giả Lê Hữu Nghĩa, ghi nhận một số vấn đề mà giới lý luận của Đảng đặt ra như là thách thức đối với một mô hình dân chủ thực sự đặt dưới thể chế một Đảng độc quyền hiện nay ở Việt Nam. Các vấn đề đó như là: (i) làm rõ trong điều kiện một Đảng cộng sản duy nhất cầm quyền, không đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập, mà vẫn phát huy được dân chủ thực sự đối với nhân dân vẫn giữ được sự lãnh đạo của Đảng...; (ii) nghiên cứu để phát huy vai trò của thiết chế xã hội dân sự định hướng xã hội chủ nghĩa trong việc xây dựng xã hội thực sự dân chủ, hạn chế ảnh hưởng tiêu cực của kinh tế thị trường và bổ khuyết những giới hạn của nhà nước trong quản lý xã hội.

Ở đây, qua ý kiến của tác giả Lê Hữu Nghĩa, bên cạnh nhiều vấn đề khác nữa, có thể thấy nổi bật ít nhất hai thách thức về tư duy và thực hành dân chủ trong đổi mới chính trị của Đảng. Thứ nhất, đó là câu hỏi

³⁸ Công ước Quốc tế về các quyền dân sự và chính trị, Liên Hợp Quốc, 16/12/1966.

làm thế nào dung hòa được một mô hình dân chủ thực sự, với tư cách một thiết chế khách quan trong xã hội đáp ứng các nhu cầu chính trị, xã hội của các tầng lớp nhân dân và cộng đồng, với bên kia là một thể chế một Đảng chấp chính, cầm quyền, không thừa nhận đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập vốn được cho là đã và đang thu tóm và cố khuynh hướng lúc nào cũng muốn thu tóm và kiểm soát hết các quyền của người dân trong xã hội, cộng đồng, như chính nhà lý luận này đã đề cập. Thứ hai, nhà lý luận này của Đảng đặt tiếp ra một yêu cầu là nghiên cứu phát huy vai trò của thiết chế ‘xã hội dân sự định hướng xã hội chủ nghĩa’. Rõ ràng, ở đây, một lần nữa tư duy lý luận của Đảng lại muốn thu tóm tất cả các không gian chính trị, xã hội vào trong một bàn tay cai trị, kiểm soát của nhà nước cộng sản. Xã hội dân sự là một thiết chế độc lập, đứng bình đẳng với các trụ cột khác trong xã hội đương đại của loài người, như nhà nước pháp quyền, kinh tế thị trường, với một trong các vai trò nổi bật và cơ bản là hỗ trợ, phối hợp, tương tác với các thiết chế và các trụ cột khác để đảm bảo không gian sống, không gian chính trị và dân sự, đảm bảo cho các quyền dân sự, chính trị, xã hội của người dân, cộng đồng, hội đoàn được thực hiện một cách công bằng, đầy đủ và độc lập. Nó là đối tác quan trọng của nhà nước trong xã hội văn minh đương đại, với vai trò, chức năng được luật pháp quốc tế ngày càng công nhận và đương nhiên không thể bị nhà nước thu tóm như trong dự định muốn thiết lập và phát huy một thiết chế xã hội dân sự với định hướng xã hội chủ nghĩa.

Những câu chuyện như nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do Đảng lãnh đạo, hay nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa cũng do Đảng lãnh đạo, cùng với xã hội dân sự ‘xã hội chủ nghĩa’, mà chắc nhiều chục năm vận hành Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể chính trị, xã hội ngoại vi và nối dài quyền lực của Đảng đã cho Đảng CSVN kinh nghiệm và sự tự tin ở Việt Nam, dường như cho thấy trong tư duy của Đảng, đặc biệt phản ánh qua giới elite lý luận, tư tưởng đang có một số vấn đề tự mâu thuẫn ‘như nước với lửa’, ‘như mặt trăng với mặt trời’ trong tư duy, tư tưởng và tầm nhìn của họ về cải cách và phát triển ở Việt Nam.

Hiện tại, nhóm elite³⁹ này từ sau Đại hội 12 của ĐCSVN, đang có một đại diện hàng đầu của mình nắm giữ vị trí tối cao trong ban lãnh đạo của

³⁹ Các nhóm nghiên cứu lý luận, tư tưởng phục vụ Đảng và nhà nước ở Việt Nam, theo quan sát của một số ý kiến trong giới nghiên cứu quốc tế, khu vực và tại Việt Nam, trong ít nhất 30 năm đổi mới vừa qua (1986-2016) đã có nhiều chương trình, đề tài nghiên cứu đặc biệt, quy mô quốc gia, trong đó có cả những nghiên cứu tham khảo hẹp dành cho các cơ quan lãnh đạo cao cấp nhất về đường lối, chiến lược, sách lược đối nội, đối ngoại của Đảng và nhà nước, nhiều công trình nghiên cứu, cùng các tác giả, các cá nhân, các nhóm nghiên cứu được cho là cũng nghiên cứu, tham khảo nhiều đề tài ngày càng ‘cấp tiến’, ‘táo bạo’ (chẳng hạn nghiên cứu về kịch bản các mô hình về quyền

Đảng và nhà nước với vị thế ‘khác biệt’ hẳn trong tương quan quyền lực nội bộ Đảng, so với một vài đại hội ngay trước đó. Và dường như nhóm này cũng đang có những lợi thế khá đặc biệt khác trong việc triển khai nhân sự, đường lối, chủ trương của mình trên toàn thể hệ thống chính trị và bộ máy chính quyền từ trung ương, tới nhiều địa phương, ngành, cấp ở Việt Nam vào thời điểm hiện tại.

Ngô Quốc Phương,

Kent, Anh Quốc, tháng 7/2016.

Tài liệu tham khảo

- 1) Lê Quốc Lý, “Đổi mới tư duy về kinh tế - nhìn lại 70 năm”, *Tạp chí Lý luận Chính trị, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, số 9-2015.*
- 2) Nguyễn Viết Thông, “Một số bài học qua 30 năm Đảng lãnh đạo đổi mới đất nước”, *Tạp chí Xây dựng Đảng, 05/01/2016.*
- 3) Lưu Văn Sùng, “Quan điểm, đường lối, chiến lược của ĐCSVN khi bước vào công cuộc đổi mới và hiện nay”, *Tạp chí Cộng sản, 25/11/2014.*
- 4) Nhị Lê, “Đặc điểm lý thuyết đổi mới và những bài học lớn từ thực tiễn gần 30 năm đổi mới xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam”, *Tạp chí Cộng sản, 20/01/2015.*
- 5) Lê Xuân Tùng, “Phải chăng kinh tế tư nhân là nền tảng của nền kinh tế quốc dân?”, *Tạp chí Cộng sản, 26/6/2015.*
- 6) Nguyễn Đức Bình, “Chủ thuyết cách mạng và phát triển của Việt Nam”, *Tạp chí Cộng sản, số 812 (6-2010) và 15/7/2010.*

lực, nhà nước, chính trị Đảng phái, chuyển động mô hình, hậu mô hình, tiền mô hình quyền lực, thể chế, chế độ v.v...) mà từ trước có thể được coi là các chủ đề ‘nhạy cảm’ mà khi nghiên cứu thường phải có sự ‘bảo lãnh’ của các lãnh đạo ở các cấp rất cao như trong tập thể Bộ Chính trị, Ban bí thư v.v... Vẫn theo giới nghiên cứu, nhóm elite nghiên cứu lý luận khá đa dạng về nhận thức, trình độ chuyên môn, cũng như về phương pháp nghiên cứu, tiếp cận, nhiều nhà nghiên cứu, lý luận, cố vấn có kinh nghiệm trao đổi quốc tế và khu vực khá tốt, nắm được nhiều khuynh hướng chính trị, chuyển động quốc tế để tham khảo và sử dụng trong các công việc, tùy theo trách vụ của mình. Ngoài ra, giới elite lý luận, tư tưởng của Đảng cũng có nhiều cơ hội tiếp xúc với các chính trị gia, nhà lãnh đạo cao cấp ở nhiều quốc gia phương Tây, trong đó có các nhân vật chính khách hàng đầu đã chuyển giao quyền lực, nhưng còn có nhiều kinh nghiệm, quan hệ và ảnh hưởng mà Đảng và nhà nước cho rằng có thể hữu ích cho các nghiên cứu, tham khảo của mình v.v... Tuy nhiên, việc nhận diện, quan sát, đánh giá về giới elite lý luận và thực tiễn này không phải là chủ đề của bài viết là tham luận ở Hội thảo này.

- 7) Nguyễn Đức Thắng, “Âm mưu, thủ đoạn “lật đổ chính trị trong hòa bình” của Mỹ và phương Tây ở các nước Trung Á và Đông Âu thời gian qua”, *Tạp chí Cộng sản*, 18/3/2008.
- 8) Lê Thế Mậu, “Mùa Xuân A-rập: hai năm nhìn lại”, *Tạp chí Cộng sản*, 07/02/2013.
- 9) UNDP, “Báo cáo Tóm tắt Chính sách, Báo cáo Phát triển Con người Việt Nam năm 2015 về Tăng trưởng Bao trùm.”
- 10) Nhị Lê, “Không ngừng đổi mới chính trị, vì sự phát triển toàn diện, đồng bộ và tiếp tục thành công của sự nghiệp đổi mới”, *Tạp chí Cộng sản*, 16/6/2016.
- 11) Vũ Khoan, “Ba mươi năm hội nhập kinh tế quốc tế: Một vài suy ngẫm và đề xuất hướng tới”, *Tạp chí Cộng sản*, 14/3/2015.
- 12) Hoàng Bình Quân, trả lời phỏng vấn VnExpress về chuyến thăm Mỹ của Tổng bí thư ĐCSVN Nguyễn Phú Trọng, “Mỹ tôn trọng đầy đủ thể chế chính trị của Việt Nam”, *VnExpress*, 06/7/2015.
- 13) Lưu Văn Sung, “Lựa chọn mô hình phát triển trong điều kiện hiện nay”, *website Đảng Cộng sản*, 05/10/2015.
- 14) Trần Ngọc Liêu, “Tiếp tục đổi mới tư duy lý luận của ĐCSVN về nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam”, *Tạp chí Cộng sản*, 05/10/2015.
- 15) Nguyễn Hữu Khiển, “Về mối quan hệ giữa Đảng và Nhà nước trong giai đoạn hiện nay”, *Báo điện tử Đảng Cộng sản*, 30/9/2015.
- 16) Nguyễn Thanh Tuấn, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, “Tác động của kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế đến vấn đề dân chủ, nhân quyền ở nước ta hiện nay”, *Tạp chí Cộng sản*, 16/4/2014.
- 17) Hà Đăng, “Mô hình tổ chức nền dân chủ”, *Tạp chí Cộng sản*, 29/9/2010.
- 18) Nguyễn Văn Hậu, “Tiếp tục xây dựng dân chủ trực tiếp nhằm thực hiện, phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa theo Nghị quyết Đại hội XII của Đảng”, *Tạp chí Cộng sản*, 29/02/2016.
- 19) Phạm Xuân Hằng, “Phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc – một phương thức thực hành dân chủ tạo sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc”, *Tạp chí Cộng sản*, 17/11/2010.
- 20) Lê Hữu Nghĩa, “Thực hành và phát huy dân chủ qua 30 năm đổi mới”, *Tạp chí Cộng sản*, 11/03/2016.
- 21) Công ước Quốc tế về các quyền dân sự và chính trị, *Liên Hợp Quốc (International Covenant on Civil and Political Rights (ICCPR))*, 16/12/1966.

© Thời Đại Mới